

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bích Vân

Ông Nguyễn Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm: 1983. Trú tại: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh TN “Vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Lê Minh D, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số 3/347, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh TN “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm V trình bày: Chị cùng chồng là anh Lê Minh D chung sống vào năm 2016, có tìm hiểu khoảng 03 năm, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G vào ngày 12-5-2016.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Thiên P, sinh ngày 05-9-2017, hiện đang chung sống với chị. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị không lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con,

không phụ chị nuôi dưỡng và chăm sóc con. Ngoài ra, chồng chị còn ham mê cờ bạc gây nợ cho gia đình. Vợ chồng thường bất hòa, gây gổ, mỗi lần như vậy anh D đập phá đồ đạc trong nhà. Cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Từ năm 2019 vợ chồng ly thân cho đến nay, vợ chồng không gặp nhau và không ai có thiện chí hàn gắn gia đình.

Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng chị là anh Lê Minh D. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chồng chị cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Từ đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D đối với yêu cầu của chị V.

Qua làm việc với người làm chứng bà Phạm Thị S là mẹ anh D trình bày: Vợ chồng anh D chỉ chung sống với bà khoảng 5 tháng sau khi cưới. Từ năm 2017, anh chị về cha mẹ ruột chị V sống cho đến khi ly thân. Hiện anh D đang sống tại nhà bà thuộc khu phố N, thị trấn G và đi làm công nhân. Vợ chồng anh D chung sống có 01 con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung. Việc vợ chồng anh D giải quyết vấn đề ly hôn như thế nào bà không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh D. Con chung giao cho chị V nuôi, ghi nhận chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm V và anh Lê Minh D sống chung vào năm 2016, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu vào ngày 12-5-2016, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị V có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị qua lời trình bày của chị V, thấy rằng: Anh D không quan tâm, chăm lo cho gia đình, cũng không phụ chị V chăm sóc, nuôi dạy con; ngoài ra, anh D còn cờ bạc gây ra nợ nần. Dẫn đến anh chị thường xuyên gây gổ và không giải quyết được mâu thuẫn. Từ năm 2019 anh chị ly thân cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh D là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thiên P, sinh ngày 05-9-2017, hiện đang sống với chị V. Thấy rằng, chị V vẫn đang nuôi dạy con tốt và phát triển bình thường về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu P cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào anh D có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn Trần Thị Cẩm V đối với anh Lê Minh D. Chị V được ly hôn với anh D.

2/. Về con chung: Giao chị V được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thiên P, sinh ngày 05-9-2017. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào anh D có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4/. Về án phí: Chị V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0012958 ngày 06-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh